BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022

Kính gửi: Chính phủ

Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia (Thỏa thuận) giai đoạn 2019-2020 đã được ký ngày 26/2/2019 và gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 theo thông báo tại công văn số 1370/BNG-LPQT ngày 27/4/2021 của Bộ Ngoại giao.

Để thực hiện cam kết của Việt Nam về thuế nhập khẩu trong Thỏa thuận và căn cứ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất tại Điều 10 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Bộ Tài chính tiến hành xây dựng Nghị định trình Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia 2019-2020 gia hạn cho giai đoạn giai đoạn 2021-2022. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022

Việt Nam và Campuchia đã có các Bản Thỏa thuận được ký và áp dụng trong các giai đoạn: 2006-2007, 2010-2011, 2012-2013, 2014-2015, 2016-2017, 2019-2020. Căn cứ công văn số 1370/BNG-LPQT ngày 27/4/2021 của Bộ Ngoại giao về việc thông báo gia hạn, sửa đổi Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia, theo đó, Bản Thỏa thuận Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2019-2020 đã được gia hạn và tiếp tục áp dụng từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2022.

Bản Thoả thuận Việt Nam – Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 (gọi tắt là Bản Thỏa thuận gia hạn cho giai đoạn 2021-2022) nhắc lại Bản thoả thuận ký ngày 26/02/2019 và mục đích của Bản Thỏa thuận gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 là nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt thương mại hàng hoá nông sản, thuỷ sản và sản phẩm công nghiệp với mục tiêu cải thiện đời sống của người dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi nước. Hiện Bộ Công Thương đang tiến hành các thủ tục cần thiết trao đổi với phía Campuchia về việc gia hạn thỏa thuận.

Tương tự như các Bản Thỏa thuận trước, để thực thi Bản Thỏa thuận sau khi hoàn thành thủ tục gia hạn, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho các mặt hàng có xuất xứ từ Campuchia theo Danh mục mà Việt Nam đã cam kết trong Bản Thỏa thuận. Cụ thể là, Bộ Tài chính cần dự thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia (Nghị định) theo quy định tại Điều 11 - Thẩm quyền ban hành biểu thuế, thuế suất quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định

Nghị định của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia cần bảo đảm mục đích, quan điểm sau đây:

a) Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

b) Thực hiện đúng quy định của Bản Thoả thuận Việt Nam – Campuchia, đảm bảo tính tương thích của Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

c) Tuân thủ đúng quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật.

d) Kế thừa quy định của văn bản hiện hành có liên quan để đảm bảo tính ổn định và tính khả thi của nội dung chính sách.

đ) Tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng Nghị định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Trên cơ sở nội dung báo cáo về sự cần thiết ban hành Nghị định tại Mục I Tờ trình này, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 với các nội dung tương tự với Nghị định 92/2019/NĐ-CP ngày 20/11/2019 về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thoả thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2019-2020.

Theo đó, dự thảo Nghị định gồm 02 phần: Phần lời văn của Nghị định gồm 07 Điều và 03 Phụ lục với nội dung cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia 2019-2020 được gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 (sau đây viết tắt là Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia gia hạn cho giai đoạn 2021-2022).

- Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định được quy định gồm: *(1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.*

- Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan

Quy định về việc ban hành kèm theo Nghị định này 01 Biểu thuế và 02 danh mục tương ứng tại 03 phụ lục theo quy định tại Điều 3,4 và Phụ lục I, Phụ lục III của Bản Thỏa thuận gia hạn cho giai đoạn 2021-2022. Biểu thuế nêu tại Phụ lục I mà phía Việt Nam sẽ áp dụng thuế suất 0% cho phía Campuchia gồm 31 mặt hàng gồm có: gia cầm sống, thịt và phụ phẩm gia cầm, chanh, lúa gạo (với hạn ngạch 300.000 tấn/năm), chế phẩm chứa thịt lợn (dạng đóng bao bì kín khí để bán lẻ), lá thuốc lá chưa chế biến (với hạn ngạch 3.000 tấn lá thuốc lá/năm). Danh mục hàng hóa bao gồm lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến áp dụng thuế suất 0% đối với lượng nằm trong hạn ngạch được quy định tại Phụ lục II.

Nội dung cụ thể của Điều này như sau:

"Ban hành kèm theo Nghị định này:

1. Phụ lục I - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022.

2. Phụ lục II - Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

3. Phụ lục III - Danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng theo Bản thỏa thuận Việt Nam – Campuchia."

Do danh mục mặt hàng tại Bản thỏa thuận đã kí giai đoạn 2019-2020 đã theo định dạng HS2017, nên việc gia hạn Bản Thỏa thuận cho giai đoạn 2021-2022 không phát sinh yêu cầu chuyển đổi mã HS. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp quy định hiện hành về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/06/2017 và Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 của Bộ Tài chính, danh mục nêu trên đã được rà soát để đảm bảo phù hợp và không vướng mắc khi thực thi.

Biểu thuế 31 mặt hàng được hưởng thuế suất ưu đãi tại Nghị định này được thu hẹp 01 dòng hàng so với 32 mặt hàng tại Nghị định 92/2019/NĐ-CP (đưa 01 mặt hàng là bánh gatô có mã HS là 1905.90.30 ra khỏi Biểu thuế ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Campuchia trong Thỏa thuận gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 do thuế suất mặt hàng này đã về 0% giai đoạn 2018-2022 theo ATIGA). Việt Nam và Campuchia đã thống nhất đồng ý về sửa đổi này, như đã nêu tại công văn số 1370/BNG-LPQT ngày 27/4/2021 của Bộ Ngoại giao về

việc thông báo gia hạn, sửa đổi Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia.

- Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Điều khoản này quy định điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt như sau (kế thừa quy định tại Nghị định 92/2019/NĐ-CP):

"Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2021-2022 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định.

2. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp.

3. Thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này."

- Điều 5. Thuế suất và hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia

Nội dung Điều này được hướng dẫn cụ thể như sau:

"*1. Mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến nêu tại Phụ lục I, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này và quy định của Bộ Công Thương về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan theo Bản Thỏa thuận Việt Nam – Campuchia gia hạn cho giai đoạn 2021-2022 được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt nêu tại Phụ lục I, theo số lượng hạn ngạch nhập khẩu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.*

2. Đối với mặt hàng lúa gạo: Trường hợp mặt hàng lúa gạo nhập khẩu ngoài số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (gọi tắt là nhập khẩu vượt hạn ngạch) thì số lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam và Campuchia cùng là thành viên (nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tương ứng); hoặc có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (gọi tắt là thuế suất MFN) theo quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định số 57/2020/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Đối với mặt hàng lá thuốc lá chưa chế biến:

a) Trường hợp lượng lá thuốc lá chưa chế biến nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này nhưng vẫn nằm trong tổng mức hạn ngạch theo WTO của cả nước và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về hạn ngạch thuế quan thì số lượng này được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP và các văn văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Trường hợp lượng lá thuốc lá chưa chế biến nhập khẩu vượt số lượng hạn ngạch quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và nằm ngoài tổng mức hạn ngạch theo WTO của cả nước thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với mặt hàng lá thuốc lá chưa chế biến theo quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP và các văn văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Số lượng mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến, được nhập khẩu thuộc các trường hợp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản này, không tính vào số lượng hạn ngạch của mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Các mặt hàng lúa gạo do các doanh nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia tiếp giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành;

b) Các mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Hiệp định khu vực, quốc tế mà hai bên tham gia ký kết."

Điều 6 Hàng hóa nông sản tại Nghị định 92/2019/NĐ-CP được sửa đổi và gộp đưa vào thành Khoản 4 của Điều 5 do phạm vi Điều 5 cũng quy định về mặt hàng lúa gạo và lá thuốc lá chưa chế biến có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia.

Ngoài ra, tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (Nghị định 18/2021/NĐ-CP) quy định: "Sản phẩm nông sản chưa qua chế biến thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này do các doanh nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia tiếp giáp biên giới Việt Nam, nhập khẩu qua các cửa khẩu thuộc địa bàn hoạt động hải quan để làm nguyên liệu sản xuất hàng hóa tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu".Tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định mặt hàng lúa gạo (thuộc nhóm 10.06) thuộc danh mục mặt hàng nông sản và mặt hàng lá thuốc lá chưa qua chế biến không thuộc danh mục này. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất chỉ quy định mặt hàng lúa gạo tại điểm a khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.

- Điều 6. Tổ chức thực hiện

+ Hiệu lực thi hành: Trên cơ sở Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/03/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia cho giai đoạn 2021-2022, dự thảo Nghị định sẽ được ban hành theo thủ tục rút gọn và do đó sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký.

+ Nội dung chuyển tiếp: Do Bản Thỏa thuận Việt Nam-Campuchia được gia hạn cho giai đoạn 2021-2022, Bộ Tài chính dự thảo quy định về xử lý thuế đối với các tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 01/01/2021 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành nếu đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

Nội dung cụ thể của Điều khoản này như sau:

"*1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ...../..../2021 (ngày Nghị định được ký) cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

2. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đăng ký từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ điều kiện được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

IV. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định và ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

- Ngày 13/04/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 801/QĐ-BTC thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy Thương mại song phương Việt Nam-Campuchia. Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã xin ý kiến các chuyên gia, thành viên Tổ soạn thảo.

- Ngày ....., Bộ Tài chính đã có công văn số ...../BTC-HTQT gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), gửi đăng Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính (cơ quan soạn thảo) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Sau khi tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá

nhận, ngày ....., Bộ Tài chính đã có công văn số ..... gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định *(trình kèm Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định)*.

2. Tổng hợp ý kiến tham gia

(Bổ sung sau khi có ý kiến tham gia của các cơ quan)

V. Về thủ tục hành chính, điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính và vấn đề bình đẳng giới

1. Về thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Về vấn đề bình đẳng giới

Nghị định quy định trung tính về giới và có tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với cả hai giới, không có nội dung tạo ra sự phân biệt đối xử về giới.

3. Về điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do cơ quan hải quan thực hiện nên Nghị định không làm phát sinh chi phí tuân thủ cũng như nguồn nhân lực của cơ quan Hải quan.

VI. Kiến nghị

Để đảm bảo chủ động trong ban hành Nghị định phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như đảm bảo thực hiện cam kết của Việt Nam tại Thỏa thuận, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

- Phê duyệt và ký ban hành Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022.

- Giao Bộ Tài chính chủ trì theo dõi việc thực hiện Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam-Campuchia từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, HTQT.

Hồ Đức Phớc